

令和 2 年 7 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	14.4 t	8.06	5.0 cm	23.8 °C	
放流量	14.2 t	7.84	50.0 cm	23.8 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	316 KWH	3,037 KWH	5.94 t	
日平均使用量	10.2 KWH	98.0 KWH	0.19 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	7台: 4.76t	26台: 37.65t	39台: 24.58t	12台: 36.33t	2台: 3.99t	
前月累計	20台: 11.57t	122台: 179.61t	145台: 86.74t	28台: 79.12t	3台: 6.86t	
年度計	27台: 16.33t	148台: 217.26t	184台: 111.32t	40台: 115.45t	5台: 10.85t	

小計	
月計	86台: 107.31 t
前月累計	318台: 363.90 t
年度計	404台: 471.21 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	86台: 107.31 t
前月累計	1.00 t	318台: 364.90 t
年度計	1.00 t	404台: 472.21 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	23台	268 m ³
前月累計	88台	910 m ³
年度計	111台	1,178 m ³

項目	日
搬入日数	19
日平均搬入数量	5.65 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	116.83 t	99台	スケール分散剤	20.00 kg
5	128.30 t	116台	凝集剤 バック	100.00 kg
6	119.77 t	103台	凝集助剤 ポリマ	0.40 kg
7	107.31 t	86台	固形塩素剤	2.00 kg
8	t	台	脱水助剤 104	kg
9	t	台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清缶剤	kg
12	t	台	並塩	kg
1	t	台	リン酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	m ³
			脱水ケーキ量	t
計	472.21 t	404台	脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	曇/晴	22 °C	24 °C	18 °C
2	雨	18 °C	20 °C	16 °C
3	晴	20 °C	24 °C	16 °C
4		°C	°C	°C
5		°C	°C	°C
6	晴	20 °C	27 °C	15 °C
7	曇/雨	22 °C	26 °C	16 °C
8	曇/雨	19 °C	23 °C	17 °C
9	晴	25 °C	26 °C	17 °C
10	晴	24 °C	28 °C	16 °C
11		°C	°C	°C
12		°C	°C	°C
13	曇	19 °C	24 °C	17 °C
14	晴	23 °C	26 °C	16 °C
15	晴	22 °C	24 °C	15 °C
16	晴	18 °C	24 °C	16 °C
17	晴	23 °C	25 °C	15 °C
18		°C	°C	°C
19		°C	°C	°C
20	晴	26 °C	29 °C	16 °C
21	曇/雨	20 °C	23 °C	18 °C
22	曇	21 °C	24 °C	17 °C
23		°C	°C	°C
24		°C	°C	°C
25		°C	°C	°C
26		°C	°C	°C
27	曇	18 °C	20 °C	16 °C
28	晴	22 °C	24 °C	16 °C
29	晴	23 °C	26 °C	15 °C
30	晴	21 °C	27 °C	15 °C
31	晴	21 °C	28 °C	17 °C